

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS-ST
Ngày 14 tháng 6 năm 2019
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Mỹ Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Lê Ngọc Trầm**;

2/ Ông **Huỳnh Quan Lộc**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Thảo Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Phú Thái** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 5 năm 2019 và ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 565/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 và Thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa số: 44/TB-TA ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1942 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà a, ấp K, xã LTN, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị T** (tự là H), sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà b, ấp K, xã LTN, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh .

- Người làm chứng: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà a, ấp K, xã LTN, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2018 của nguyên đơn – bà Lê Thị M, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M trình bày:

Bà quen biết chị T qua ở gần nhà không có bà con họ hàng. Ngày 05/6/2017, chị T có vay của bà số tiền gốc 33.000.000 đồng, mục đích chị T vay tiền để trả nợ đáo hạn Ngân hàng, không có thỏa thuận lãi suất, chị T có hứa là 10 ngày sẽ trả lại nên bà tin

tường không làm giấy nợ, bà có đòi nợ nhiều lần nhưng chị T không trả, sau đó con bà là Nguyễn Văn Đ tìm gặp được chị T và chị T có viết cho con bà tờ giấy ngày 12/4/2018. Trong giấy ngày 12/4/2018, có viết chữ H và Huỳnh Thị T, tên thường gọi H, cho nên tên H và T là một người. Từ ngày chị T mượn tiền của bà, chị T không có trả cho bà số tiền nào hết. Nay bà yêu cầu chị T trả cho bà số tiền nợ gốc 33.000.000 đồng, không yêu cầu chị T trả tiền lãi.

Ngày 05/6/2017, bà cho chị T vay tiền không có làm giấy, nhưng vào ngày 27/3/2019 bà có nộp cho Tòa án 01 bản gốc giấy viết tay ngày 12/4/2018 với nội dung của giấy này là chị T còn thiếu tiền của bà, nay bà nộp bổ sung chứng cứ cho Tòa án là băng ghi âm ngày 12/4/2018 và phiên bản tường thuật lại việc ghi âm giọng nói của chị T với Đ để có được tờ giấy ngày 12/4/2018 mà bà đã nộp cho Tòa án, toàn bộ nội dung tường thuật của bản ghi âm là thể hiện được chị T có biết số tiền còn nợ lại bà là tiền gốc 33.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 20/5/2019, có mở công khai đoạn băng ghi âm này lại cho chị T nghe, chị T không thừa nhận giọng nói của chị T, bà M có yêu cầu giám định giọng nói của chị T, nhưng nay bà xác định lại là không yêu cầu giám định với lý do là bà đã xác định giọng nói của chị T và con bà là Đ trực tiếp ghi âm lại giọng nói của chị T, còn chị T không thừa nhận thì chị T yêu cầu giám định giọng nói của chị T. Bà M xác định chứng cứ bà nộp cho Tòa án là hoàn toàn đúng sự thật, hiện chị T còn nợ bà số tiền 33.000.000 đồng. Bà hoàn toàn tự nguyện thay đổi yêu cầu không yêu cầu giám định, bà cũng cam kết không có khiếu nại gì ở giai đoạn xét xử sơ thẩm về việc giám định giọng nói của chị T.

Bị đơn – chị Huỳnh Thị T (tự là H) trình bày:

Chị chỉ quen biết với bà Lê Thị M, không có bà con họ hàng. Chị không có nhớ vay tiền của bà M thời gian nào, nhưng có vay của bà M số tiền gốc 13.000.000 đồng. Chị nhận trực tiếp số tiền vay từ bà M giao cho chị, chị nhận 02 lần, lần đầu 3.000.000 đồng và lần sau 10.000.000 đồng, khi nhận tiền vay của bà M, chị không có viết và ký giấy nợ, thỏa thuận vay 1.000.000 đồng thì tiền lãi 60.000 đồng/tháng. Mục đích vay tiền sử dụng vào việc mua thuốc để điều trị bệnh của chị, chị không nhớ trả tiền lãi bao nhiêu, khi nhận số tiền lần sau 10.000.000 đồng chị có trả bà M 3.000.000 đồng. Vậy hiện nay chị còn nợ bà M số tiền gốc 10.000.000 đồng. Đ là con trai út của bà M có đến đòi nợ và kêu chị viết và ký tên số tiền thiếu vào giấy ghi ngày 12/4/2018, chị thừa nhận là có ghi vào giấy này, chữ chị ghi “ Út Đ đã gặp chị, chị hứa sẽ lo sớm nhất với số tiền đã thiếu”, tên H và Huỳnh Thị T cũng là tên của chị, tên H là tên thường gọi của chị, anh Đ đe dọa và đánh chị cho nên chị sợ quá phải viết cho Đ và không có đọc lại gì hết, chị xác định số tiền hiện tại còn thiếu bà M 10.000.000 đồng. Nay chị trả số tiền nợ này là xin trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

Chị T xác định chữ viết trong tờ giấy ngày 12/4/2018 là của chị, nhưng chị không thừa nhận còn nợ như bà M trình bày, chị còn nợ bà M là 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 20/5/2019, bà M xác định giọng nói của chị trong băng ghi âm, nhưng chị xác định là không phải giọng nói của chị, chị cũng không yêu cầu giám định giọng nói của chị. Chị cam kết không có khiếu nại gì ở giai đoạn xét xử sơ thẩm về việc không yêu cầu giám định giọng nói của chị.

Người làm chứng – anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Bà M là mẹ ruột của anh, anh ở chung nhà với bà M, khi mẹ anh cho chị T vay tiền anh cũng không biết, sau đó có nghe mẹ anh nói lại sự việc chị T còn thiếu tiền của mẹ, do mẹ anh lớn tuổi không thuận tiện việc đi lại nên anh phải đòi tiền giúp cho mẹ anh và anh có ghi âm giọng nói của chị T ngày 12/4/2018 để chị T viết tờ giấy còn nợ mẹ anh số tiền 33.000.000 đồng, anh ghi âm suốt từ chặng đường cùng đi với chị T để cùng chị T về đến nhà và chị T lấy tờ giấy lịch cùng anh viết và ký tên vào tờ giấy ngày 12/4/2018.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:

- Về thủ tục tố tụng trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và trình tự tiến hành phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà M yêu cầu chị Tám trả số tiền gốc 33.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận; Chị T cho rằng có vay tiền của bà M tổng số tiền 02 lần là 13.000.000 đồng, đã trả 3.000.000 đồng tiền gốc và đã trả tiền lãi cho bà M nhưng chị T không cung cấp chứng cứ tài liệu thời gian vay tiền, trả tiền gốc, tiền lãi. Do đó, căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự buộc chị T trả số tiền vay gốc cho bà M số tiền 33.000.000 đồng, ghi nhận bà M không yêu cầu chị T trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Huỳnh Thị T có nơi cư trú tại số b, ấp K, xã LTN, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Giữa bà M với chị T có thực hiện giao dịch vay tiền cụ thể như sau: Chị T trực tiếp vay và nhận tiền của bà M với số tiền gốc 33.000.000 đồng, lãi suất không có thỏa thuận, mục đích vay là trả nợ đáo hạn ngân hàng, không có làm giấy nợ, bà M xác định số tiền nợ chị T nhận của bà là vào ngày 05/6/2017, ngày 12/4/2018 con của bà gặp chị T để đòi số tiền nợ thì chị T có viết vào tờ giấy ngày 12/4/2018 đồng ý còn thiếu tiền bà nhưng không có ghi rõ số tiền còn thiếu bà M là bao nhiêu, bà M yêu cầu chị T trả số tiền nợ gốc 33.000.000 đồng, không yêu cầu chị T trả tiền lãi; Còn chị T cho rằng có vay tiền của bà M nhưng vay 02 lần 01 lần 3.000.000 đồng và 01 lần 10.000.000 đồng, nhưng không xác định được thời gian vay tiền, lãi suất 6%/tháng, chị có trả được tiền lãi và 3.000.000 đồng tiền gốc, nay chị T còn nợ bà M là 10.000.000 đồng.

Xét thấy, lời trình bày của bà M yêu cầu chị T trả số tiền gốc 33.000.000 đồng, không yêu cầu chị T trả tiền lãi là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, bà M cung cấp chứng cứ chữ viết của chị T trong tờ giấy ngày 12/4/2018, mặt sau tờ giấy lịch phần trên tờ giấy anh Đ viết nội dung: Tôi Nguyễn Văn Đ gặp chị Huỳnh Thị T đòi nợ 33.000.000 đồng, phần dưới tờ giấy lịch chị T ghi nội dung: Út Đ đã gặp tôi, tôi hứa sẽ lo sớm nhất với số tiền đã thiếu, phía dưới có viết chữ H và đoạn ghi âm cuộc nói chuyện đòi nợ giữa anh Đ (con của bà M) và chị T. Đồng thời, chị T cũng thừa nhận là anh Đ có gặp chị, chị Tám, anh Đ cũng xác định những dòng chữ viết trong tờ giấy lịch ngày 12/4/2018 là của 02 người và những dòng chữ của anh Đ viết trước, sau đó gạch ngang chị T viết dưới những dòng chữ của anh Đ là cùng thời gian. Ngoài ra, chị T cho rằng có vay tiền của bà M tổng số tiền 02 lần là 13.000.000 đồng, đã trả 3.000.000 đồng tiền gốc và đã trả tiền lãi cho bà M nhưng chị T không cung cấp chứng cứ tài liệu tổng số tiền vay 02 lần và đã trả tiền gốc, tiền lãi và chị T cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh được anh Đ đe dọa, ép chị T viết, ký tên trong tờ giấy lịch ngày 12/4/2018. Do đó, hiện tại chị T còn nợ bà M số tiền vay gốc 33.000.000 đồng nhưng chị T không thực hiện việc trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp, đây là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

Về chứng cứ ghi âm: Ghi nhận các đương sự không yêu cầu giám định giọng nói.

[3] *Xét về nghĩa vụ thanh toán*: Thấy rằng, việc vay tiền giữa bà M với chị T là có thật. Việc chị T không thực hiện trả nợ và đến nay chị T vẫn chưa trả nợ cho bà M là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Xét thấy, bà M khởi kiện chị T có nghĩa vụ trả số tiền gốc 33.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận, ghi nhận bà M không yêu cầu chị T trả tiền lãi.

[4] Theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[5] Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với chị Huỳnh Thị T (tự là H).

Buộc chị Huỳnh Thị T (tự là H) có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị M số tiền vay gốc là 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng), ghi nhận bà M không yêu cầu chị T trả tiền lãi.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T (tự là H) không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị T còn phải trả cho bà M số tiền lãi đối với số tiền chậm

trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị T (tự là H) phải chịu 1.650.000 đồng.

Do bà Lê Thị M thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho bà ỹ, chị T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ (H).

(đã ký)

DƯƠNG MỸ HUYỀN